Giảng Ký Địa Tạng — Quyển Thượng — Phần 1

Địa Tạng Bổn Nguyện Kinh Giảng Ký (HT Tịnh Không)

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ QUYỂN THƯỢNG

Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không Giảng tại: Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ Hòa thượng Tịnh Không giảng tại Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba, bắt đầu từ ngày 28/5/1998, tổng cộng gồm năm mươi mốt tập (buổi giảng). Đệ tử Nhan Thụy Thành đem những tư liệu liên quan đến những cúng dường độc giả, cùng nhau chia sẻ pháp nhũ.

Đôi lời bày tỏ, Hồi nhỏ đi chùa Giác Sanh ở Phú Thọ để cúng thất cho ông bác, chúng tôi nhớ đã có dịp tụng kinh Địa Tạng. Đã tụng khá nhiều lần rồi nhưng không hiểu gì cả, chỉ nhớ mang máng là trong kinh có nói về các cảnh tượng khủng khiếp ở địa ngục, nào là núi đao, rừng kiếm, vạc dầu. Hồi đó chẳng hiểu, cứ tưởng những chuyện này là lời khuyến thiện, cứ tưởng người xưa lấy cảnh địa ngục để dọa người, nhằm khuyên người làm lành mà thôi. Gần đây, có dịp nghe được băng giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Đại Ý do bác Thanh Trí chuyển ngữ và đọc bài Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Thiển Thích của Hòa Thượng Tuyên Hóa giảng nên mới hiểu thêm đôi chút về kinh này (bài này được ban phiên dịch chùa Vạn Phật Thánh Thành dịch sang Việt ngữ). Sau đó, khi đến Tịnh Tông Học Hội Los Angeles, chúng tôi thỉnh được hai cuốn sách dày cộm ghi lại bài giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện của Hòa Thượng Tịnh Không, nghĩ cũng hơi nản chí, không biết đến lúc nào mới đọc hết được! Tuy kinh Địa Tạng khá phổ biến, có lẽ mức độ phổ biến của kinh này chỉ kém kinh Di Đà và Phổ Môn. Điều đáng buồn là những sách chú giải kinh này khá ít. Theo chỗ thấy biết nông cạn của chúng tôi, trước nay chỉ có mỗi một tác phẩm chú giải kinh này bằng tiếng Việt là sách Địa Tạng Mật Nghĩa của cụ Mai Thọ Truyền. Tuy trong Đại Tạng Kinh có ít nhất năm tác phẩm chú giải kinh này, nhưng tiếc là văn phong cổ kính, vắn tắt, chú trọng nhiều vào lối khoa phán, nên nếu có dịch ra cũng không thể giúp ích nhiều cho trình độ của những liên hữu sơ cơ như chúng tôi. Theo thiển kiến của chúng tôi, lời giảng của Hòa Thượng Tịnh Không rất thân thiết, có những kiến giải rất đặc biệt, lại kèm thêm

Đôi Lời Bày Tỏ 3

những kinh nghiệm hữu dụng không riêng gì cho hành nhân Tịnh nghiệp mà còn có thể áp dụng rộng rãi cho mọi người Phật tử nói riêng và cả nhân loại nói chung. Những lời giảng của Hòa Thượng đã đặc biệt nhấn mạnh đến hiếu đạo, cơ sở của Phật đạo, chỗ lập cước căn bản của mọi pháp môn thế gian hay xuất thế gian. Chúng tôi có cơ duyên may mắn gặp được pháp môn Tịnh Độ, vận may này còn hơn người nghèo “trúng số độc đắc”, đúng như bài Khai Kinh Kệ có nói: “Trăm ngàn muôn kiếp khó gặp được”. Chúng tôi phát tâm học hỏi và muốn chia sẻ cho nhiều người cùng biết. Do vậy, nhằm

thỏa tâm nguyện phổ biến hoằng dương Tịnh Tông, cộng thêm một vài duyên hảo hợp khác đẩy đưa nên dù sức học kém cỏi, chúng tôi vẫn gượng chuyển ngữ bài giảng này sang tiếng Việt hòng chia sẻ pháp nhũ, pháp lạc cùng mọi người. Chắc chắn trong quá trình chuyển ngữ không thể tránh khỏi những sai lầm không nên phạm phải, cách dùng chữ, diễn đạt còn thô vụng, dài dòng, chúng tôi vẫn tin rằng với tấm lòng ngu thành, không đến nỗi diễn dịch sai lệch hoàn toàn tâm ý hoằng truyền kinh này của Hòa Thượng. Do đây là lời ghi chép trực tiếp bài giảng của Hòa Thượng, có nhiều ý được Ngài lập đi lập lại, nhưng khi chuyển ngữ chúng tôi vẫn giữ nguyên để người đọc có thể tưởng tượng như đang trực tiếp tham dự pháp hội giảng kinh của Ngài. Trong quá trình chuyển ngữ chúng tôi cũng đã tham khảo bản dịch kinh Địa Tạng của Hòa Thượng Trí Tịnh. Nếu việc chuyển ngữ này có chút công đức gì thì chúng tôi xin hồi hướng đến ân sư, các bậc sư trưởng, phụ mẫu hiện đời cùng quá khứ, thân bằng quyến thuộc, các liên hữu, và hết thảy chúng sanh, nhất là oan gia trái chủ của mọi người, nguyện tất cả đều được viên thành chí nguyện, cùng vãng sanh về Cực Lạc.

Nhóm Diệu Âm kính ghi, 4 tháng 9, 2005

Đôi Lời Bày Tỏ 4

ĐỊA TẠNG BỒ TÁT BỔN NGUYỆN KINH GIẢNG KÝ QUYỂN THƯỢNG Chủ giảng: Hòa thượng Tịnh Không Chuyển ngữ: Nhóm Diệu Âm

A. DUYÊN KHỞI

Tập 01 (Số 14-12-01)1

Chư vị đồng học, Trong những năm qua, khi đạo tràng vừa xây dựng xong, bộ kinh đầu tiên tôi giảng nhất định sẽ là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Tại sao phải giảng bộ kinh này? Xây dựng Phật pháp chẳng thể xa lìa cơ sở vật chất, dùng cách nói hiện nay thì nhất định phải có đất đai, phải có phòng ốc, phải có kiến trúc. Có cơ sở xong thì chúng ta mới có nơi chốn để tu đạo. Nhưng tu đạo phải y cứ vào những gì? Chúng ta phải biết. Tu đạo nhất định phải y cứ vào tâm địa, kinh Địa Tạng chính là khóa học đầu tiên của chúng ta. Có cơ sở vật chất rồi, cơ sở tinh thần quan trọng nhất là Tâm Địa pháp môn. Thế nên bộ kinh đầu tiên chúng ta nhất định phải giảng là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh để làm cơ sở cho sự tu học Đại Thừa. Nếu chẳng hiểu Tâm Địa pháp môn, không biết phải bắt đầu tu từ tâm địa thì nhất định sẽ chẳng thành công. Nói cách khác, bất luận bạn có dụng công, có nỗ lực như thế nào, có phấn đấu mạnh mẽ, có tinh tấn như thế nào đi nữa thì bạn cũng vẫn y như cũ, chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi được, những gì bạn tu cũng chỉ là phước báo hữu lậu mà thôi. Sự tiêu biểu của pháp Đại Thừa ở Trung Quốc là dùng Tứ Đại Bồ Tát, vị thứ nhất chính là Địa Tạng Bồ Tát. Từ Địa Tạng Bồ Tát phát triển rộng ra là Quán Thế Âm Bồ Tát, [Quán Âm tiêu biểu] Đại Từ Đại Bi. Địa Tạng [tiêu biểu] Hiếu Kính2.

1 2 Vị thứ ba là Văn Thù Bồ Tát tiêu biểu Trí Huệ, vị thứ tư là Phổ Hiền Bồ Tát tiêu biểu “Lạc Thực” (Biến Thành Hiện Thực) Duyên Khởi - Tập 1 5

Ngày nay tại sao Phật pháp lại suy thoái đến như vậy? Tại sao người tu hành chẳng thể thành tựu rạng rỡ như người đời xưa? Vì mọi người đều quên mất cội gốc, chẳng hiếu, chẳng kính. Lúc trước thầy Lý thường gọi cách tu học này là giỡn chơi với Phật pháp, họ chẳng tu học Phật pháp, cũng chẳng phải hoằng dương Phật pháp, mà là giỡn chơi với Phật pháp, tiêu khiển Phật pháp, chẳng có gì làm nên phải tiêu khiển giải trí, lấy Phật pháp để tiêu khiển! Đích thật là như vậy, lời thầy Lý chẳng quá đáng tí nào. Chúng ta hãy suy nghĩ có phải chính mình cũng đang tiêu khiển Phật pháp hay chăng? Có đang giỡn chơi với Phật pháp hay không? Chỉ tu một chút phước hữu lậu mà thôi. Vả nữa, chút phước này sẽ chẳng thể hưởng ở nhân gian, mà hưởng ở đâu? Hưởng ở cõi súc sanh, cõi ngạ quỷ. Tại sao không thể hưởng ở cõi người? Tư cách làm người của bạn mất rồi nên những phước đã tu được chẳng thể hưởng ở cõi người, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Làm người thì phải biết "Hiếu thân, Tôn sư", phước thứ nhất của Tam Phước nói trong Quán Kinh là "Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm chẳng giết hại, tu thập thiện nghiệp", được vậy thì bạn mới được thân người, những phước báo bạn tu được mới có thể hưởng ở cõi người, cõi trời. Nếu chẳng làm nổi bốn điều này thì phước bạn tu được nhất định sẽ hưởng nơi ác đạo, ác đạo cũng có phước báo rất lớn. Những Lý và Sự này chúng ta đều hiểu rõ, nhưng chúng ta chẳng thể chuyển đổi trở lại, nói cách khác thì đã hiểu rõ nhưng làm không nổi. Tại sao làm không nổi? Nói thật ra là vì chẳng thấu triệt những Sự - Lý này. Nếu thực sự thấu triệt thì có thể sám trừ nghiệp chướng, quay đầu là bến bờ. Thế nên khi đạo tràng mới thành lập, kinh Địa Tạng Bổn Nguyện nhất định không thể thiếu, nhất định phải giảng kinh này. Chư vị đồng tu đến đây tham học, hôm nay chúng tôi sắp khóa học này vào khóa trình chủ yếu, thời gian tuy không nhiều nhưng chúng tôi nhất định phải giảng tường tận những điểm chính yếu. Ngoài ra, những phần cổ đức đã chú giải tường tận, pháp sư Thánh Nhất đã giảng giải bằng ngôn ngữ thông tục, quý vị có thể dùng đó làm tham khảo. Tương lai quý vị hoằng dương Phật pháp trong nước và ngoài nước, mỗi khi đến một đạo tràng mới [thành lập] trước hết nên giảng kinh Địa Tạng Bổn Nguyện, sau đó mới giảng kinh Vô Lượng Thọ, khuyên họ niệm Phật vãng sanh, đây là quy củ nhất định. Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh Khoa Chú là do pháp sư Linh Kiệt soạn vào đầu đời nhà Thanh, Ngài là người thời vua Khang Hy, đầu đời nhà Thanh, chú giải rất hay. Chúng ta đọc chú giải của Ngài, phải

Duyên Khởi - Tập 1 6

lắng lòng thể hội, phải dùng ngôn ngữ hiện đại để diễn đạt, dùng quan niệm của người hiện nay để thuyết minh thì mọi người mới tiếp nhận dễ dàng. Chú giải này bao gồm năm phần: -Phần thứ nhất là Luân Quán, tức là trước lúc giảng kinh, nói đại ý của toàn bộ kinh để giới thiệu một cách khái lược. Trong Luân Quán bao gồm năm thứ huyền nghĩa, đây là phần thứ nhất. -Phần thứ nhì là dạy chúng ta phương pháp quán như thế nào, cũng tức là dạy chúng ta học tập bộ kinh này làm thế nào thay đổi quan niệm trở lại. -Phần thứ ba là giới thiệu đại ý của toàn bộ kinh, Luân Quán của Ngài viết rất dài, phần này quan trọng phi thường. Phần huyền nghĩa hoàn toàn y theo phương cách của Tông Thiên Thai, thuyết minh giải thích Đề kinh. Biện [định] Thể, Thể là chỗ y cứ của lý luận, đức Phật căn cứ vào những gì mà giảng bộ kinh này. Sau khi chúng ta hiểu rõ thì

mới có thể sanh khởi lòng tin kiên định đối với bộ kinh này và đối với lời thuyết pháp của đức Phật. Sau đó phần thứ ba là Minh Tông, Minh Tông là giảng về tu hành, nói cách khác là làm thế nào đem những đạo lý, lý luận này biến thành hiện thực trong đời sống của chúng ta. -Phần thứ tư là Luận Dụng, chúng ta y theo phương pháp này tu học đạt được công đức, lợi ích gì. -Cuối cùng là phần thứ năm, nói về Giáo Tướng tức là nói phương thức và nghi quy giáo học của Thế Tôn. Trong năm khoa mục này pháp sư đều dùng ba chữ "bất tư nghị" (chẳng thể nghĩ bàn). Đề kinh là dùng Người chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn để lập danh, "Địa Tạng Bồ Tát" chẳng thể nghĩ bàn, "Bổn Nguyện" chẳng thể nghĩ bàn; Địa Tạng Bồ Tát là Người, Bổn Nguyện là Pháp. Trong phần Biện Thể, Ngài nói Tánh Thức chẳng thể nghĩ bàn làm Thể, Tánh tức là chân như bổn tánh, sở chứng của chư Phật Như Lai; Thức là chỗ dụng tâm của chín pháp giới phàm phu, chín pháp giới phàm phu còn trong mê, lúc mê chẳng gọi là Tánh, mà gọi là Thức; Tánh là chân tâm, Thức là vọng tâm. Nói cách khác, Ngài nói về tâm địa chân thật và vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, dùng làm cơ sở lập luận, như vậy quá hoàn hảo! Phật giảng bộ kinh này, y cứ vào cái gì? Y cứ vào chân tâm của chư Phật Như Lai, lại y cứ vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh, vì chúng ta giảng bộ kinh này, y cứ của lập luận kinh này có thể nói là vô cùng chân thật. Tánh Địa chẳng thể nghĩ bàn, chúng ta nói Địa Tạng, Tánh Địa là chân tâm chẳng thể nghĩ bàn, vọng tâm của chín pháp giới chúng sanh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Lại dùng

phương tiện chẳng thể nghĩ bàn làm Dụng, việc này có thể nhìn thấy rất rõ ràng trong toàn bộ kinh điển, dạy chúng ta biết cách học tập như thế nào. Cuối cùng là dùng Khai Hiển Vô Thượng Bồ Đề chẳng thể nghĩ bàn làm Giáo Tướng. Nếu dùng năm thí dụ này của cổ đức để thí dụ Giáo Tướng, dùng sữa, sữa chua, kem, bơ, và phó mát để tiêu biểu cho năm giai đoạn của Phật pháp. Địa Tạng Bổn Nguyện là đại pháp vô thượng, cơ sở là đại pháp vô thượng, đương nhiên thành tựu sẽ là Phật quả vô thượng. Đây là tổng cương lĩnh của huyền nghĩa. Hôm nay chúng ta ở đây giảng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện có hai dụng ý: Thứ nhất là đáp lời mời của lão pháp sư Nhân Đức ở Cửu Hoa Sơn, tôi đồng ý với Ngài sẽ giới thiệu đại ý của Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện trước ngày thánh đản Địa Tạng Bồ Tát. Chúng tôi dự định ngày một tháng chín bắt đầu giảng, ngày hai mươi tháng chín hoàn tất; ngày hai mươi tây chính là ngày ba mươi tháng bảy âm lịch, thánh đản Địa Tạng Bồ Tát. Ý nghĩa thứ hai là [từ khi] đạo tràng Tịnh Tông Học Hội Tân Gia Ba xây dựng xong chúng ta chưa chánh thức giảng một kinh nào tại đây, hôm nay vì đạo tràng mới xây dựng nên khai giảng Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh, cũng phù hợp với truyền thống giảng kinh của chúng ta bấy lâu nay tại đạo tràng mới thành lập. Thế nên đây là hai ý nghĩa quan trọng, trước hết phải giảng cho chư vị đồng tu một bộ kinh lớn ở Báo Ân Đường của Tịnh Tông Học Hội.

B. GIỚI THIỆU ĐỀ KINH

Trong phần huyền nghĩa đương nhiên quan trọng nhất là phải giới thiệu Đề kinh trước: Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện Kinh. Trong bảy chữ này, sáu chữ đầu là Biệt Đề, chữ Kinh là Thông Đề, hết thảy những pháp do Phật thuyết đều xưng là Kinh. Trong

Biệt Đề lại chia thành Nhân, Pháp, bảy thứ Lập Đề chúng ta đều lược bớt, pháp sư Thánh Nhất nói rất rõ ràng trong giảng ký, chư vị có thể tham khảo.

a. BIỆT ĐỀ

Địa Tạng Bồ Tát là Nhân (người), Bổn Nguyện là Pháp, đề kinh này do chính đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói ra. Trong kinh, Phật nói kinh này có thể dùng ba Đề Kinh, ba Đề Kinh này đều là do Phật nói. Thứ nhất là Địa Tạng Bổn Nguyện, trong pháp hội này Thế Tôn vì

chúng ta tuyên thuyết Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện. Cũng có thể gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Hạnh, Hạnh và Nguyện giống nhau, có Nguyện nhất định sẽ có Hạnh. Dùng cách nói hiện nay thì ý nghĩa của Hạnh là sinh hoạt, tu trì, xử sự, đãi người, tiếp vật của Địa Tạng Bồ Tát, những thứ này đều là Bổn Hạnh của Ngài. Còn gọi là Địa Tạng Bồ Tát Bổn Thệ Lực Kinh, Lực là hiển thị năng lực thù thắng của Ngài. Hiện nay chúng ta xem Đề Kinh Địa Tạng Bổn Nguyện là do người phiên dịch chọn ra từ ba Đề Kinh nói trên, vì trong Bổn Nguyện bao gồm cả Bổn Hạnh, và Bổn Thệ Lực, ý tứ đều gói gọn trong đó. Trên mặt Sự thì chữ Địa trong chữ Địa Tạng là đại địa. Đại địa là nơi vạn vật dựa vào để sinh tồn, bất cứ một vật gì tách lìa khỏi đại địa đều không thể sinh tồn, thế nên ở Trung Quốc rất coi trọng Thiên và Địa. Trong Bát Quái thì Tướng của Địa là thuộc quẻ Khôn, Đức của Địa là Mẫu (mẹ), Kinh Dịch nói: “Chí tai Khôn nguyên” (Quẻ Khôn lớn lao thay), chí là đến cùng cực. Đây là hình dung đại địa vạn vật tư sanh, hết thảy vạn vật đều sanh từ đại địa, thế nên ý nghĩa của Địa là năng trì (nâng giữ), năng dục (nuôi nấng), năng tải (chở), năng sanh. Phật dùng chữ này để thí dụ cho tâm địa của chúng ta, tâm địa của chúng ta đích thật đầy đủ các ý nghĩa này. Dùng cách nói của Phật pháp, [tâm có những ý nghĩa] trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. Trụ là hết thảy vạn pháp nương chân tánh mà trụ, hết thảy vạn pháp đều sanh từ chân tánh, kinh Hoa Nghiêm nói “Duy tâm hiện, duy thức biến”. Chư Phật Như Lai trụ ở Nhất Chân pháp giới, chín giới chúng sanh trụ ở Thập pháp giới, y báo, chánh báo trang nghiêm đều biến hiện từ Tánh Địa ra. Tánh là Năng biến (chủ thể biến), vạn pháp là Sở biến (những vật được biến). Trong tự tánh vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng, hết thảy vô lượng vốn đều đầy đủ. Mục đích của nền giáo học Phật pháp là dạy chúng ta minh tâm kiến tánh, tại sao lấy việc này làm mục đích? Sau khi minh tâm kiến tánh, vấn đề gì cũng tự nhiên được giải quyết hết. Vả nữa, chuyện này nhất định có thể xảy ra, nhất định có thể làm được. Tại sao lại khẳng định như vậy? Vì mỗi người đều có chân tánh, chân tánh chẳng phải đến từ bên ngoài; những gì đến từ bên ngoài chưa chắc có thể làm được, tự tánh vốn có đủ, đâu có lý nào làm chẳng được? Vấn đề là chỉ cần chúng ta có thể khôi phục tự tánh. Thật ra tự tánh đâu cần phải khôi phục, hôm nay tánh đức của chúng ta có chướng ngại, chỉ cần dẹp trừ chướng ngại này, tự tánh tự nhiên sẽ hiện tiền, cũng như mây bay sương tan, ánh sáng mặt trời sẽ chiếu rọi khắp nơi. Ánh sáng mặt trời ví như tánh đức của

chúng ta, mây mù ví như chướng ngại, chướng ngại là giả, ánh mặt trời là thật. Lìa khỏi Vọng thì Chân sẽ hiện tiền, thế nên chân tánh chẳng cần phải tìm cầu; [những gì] bạn cầu đều là hư vọng, chẳng cần phải cầu, lìa khỏi Vọng tức là Chân. Phật dạy chúng ta trong chân tâm có đầy đủ tam đức. Pháp thân là chân thân của chúng ta, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng cấu (dơ) chẳng tịnh, trong Thiền tông gọi "mặt mũi vốn sẵn có lúc cha mẹ chưa sanh ra"3 chính là cái này. Đáng tiếc là chúng ta từ vô thỉ đến nay khi khởi tâm động niệm, vọng tưởng, chấp trước, chướng ngại mất quang minh và đức dụng của tự tánh, tác dụng hiện tiền này chịu tổn thất lớn lao. Trong một trăm phần tác dụng, những gì hiện nay chúng ta có thể cảm thọ được chẳng đến một phần trăm, chín mươi chín phần trăm tác dụng chẳng thể hiện tiền, bạn nói việc này có đáng tiếc hay chăng! Tại sao lại có hiện tượng này? Vì mê mất rồi, chẳng biết tự mình vốn có đầy đủ vô lượng trí huệ, vô lượng đức năng; mê mất rồi, mê quá lâu, mê quá sâu đậm, mê quá rộng lớn. Phật thấy chúng ta như vậy nên sanh tâm thương xót, giúp chúng ta giác ngộ, giúp chúng ta khôi phục. Việc này cần phải có tu hành. "Nhân tu vạn hạnh, quả viên vạn đức", phương pháp tu hành vô lượng vô biên. Trong vô lượng vô biên phương pháp thì có pháp phýõng tiện, cũng có pháp chẳng phýõng tiện, hết thảy đức Phật đều nói cả rồi. Thế nên Phật vì chúng sanh diễn thuyết vô lượng pháp môn, trong tứ hoằng thệ nguyện nói đến "Pháp môn vô lượng thệ nguyện học". Tại sao đức Phật phải dạy vô lượng pháp môn? Vì căn tánh chúng sanh chẳng giống nhau, căn tánh của chúng sanh cũng là vô lượng vô biên. Giáo học thuận theo căn tánh chúng sanh thì học tập sẽ dễ thành tựu; nếu chẳng thuận theo căn tánh chúng sanh thì sự tu học của họ sẽ khó khăn. Vả nữa, trong hết thảy pháp môn, pháp phương tiện nhất, ổn đáng nhất, dễ dàng nhất thì chẳng gì hơn pháp môn Niệm Phật. Trong kinh này đức Phật dạy chúng ta niệm Phật, chí tâm xưng danh, và trong kinh Vô Lượng Thọ dạy "Phát Bồ Đề tâm, nhất hướng chuyên niệm", [cả hai đều] cùng chung một đạo lý, chung một sự việc. Nếu chúng ta không thể tiếp nhận pháp môn này, nghi hoặc pháp môn này, Phật lại mở ra pháp môn phương tiện khác cho bạn, đây chính là Phật dạy người pháp môn hạng nhất. Tại sao nói pháp môn này là pháp môn hạng nhất? Nếu chúng ta quán sát kỹ càng trong kinh đức Phật dạy cho chúng ta biết nguyên lý,

3 Nguyên văn: Phụ mẫu vị sanh tiền bổn lai diện mục. Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 10

nguyên tắc căn bản thì chúng ta liền nghĩ ra, liền thể hội được. Phật dạy: Chư pháp, hết thảy pháp thế gian và xuất thế gian đều "duy tâm sở hiện, duy thức sở biến", tám chữ này là căn bản; đạo lý của hết thảy vạn sự vạn vật trong vũ trụ đều bao trùm hết cả. Lại nói rõ thêm rằng "hết thảy pháp từ tâm tưởng sanh", tức là giải thích "duy thức hiện". Tâm có thể hiện tướng, tướng khởi biến hóa là do tác dụng của tâm; tâm này tức là Thức, Thức Tâm, chúng ta gọi là "niệm đầu". Chúng ta hiểu được nguyên tắc này, Phật nói niệm Phật, thì chúng ta liền hiểu, chúng ta liền gật đầu. Tại sao? Niệm Phật thì làm Phật, vô cùng trực tiếp, ổn đáng. Tại sao niệm A La Hán thì chứng A La Hán, niệm Bồ Tát thì thành Bồ Tát, sau cùng niệm Phật thì thành Phật, như vậy không phải dài dòng sao? Đi vòng vo. Tại sao bạn không trực tiếp niệm Phật? Trong sự niệm Phật, câu này là do đức Thế Tôn trong kinh luận nói với chúng ta, A Di Đà Phật "tôn quý nhất trong các

thứ ánh sáng, vua trong chư Phật”4, A Di Đà Phật là hạng nhất. Niệm A Di Đà Phật thì sẽ làm A Di Đà Phật, niệm A Di Đà Phật thì sẽ thành A Di Đà Phật, vậy tại sao phải niệm Phật khác. Những Phật khác sánh với A Di Đà Phật đều thấp một bậc, thế thì tại sao lại chẳng trực tiếp niệm A Di Đà Phật viên mãn, rốt ráo! Chúng ta phải thông qua những đạo lý này mới khẳng định A Di Đà Phật là đệ nhất. Thực sự minh bạch, hiểu rõ, thì niệm niệm trong tâm đều là A Di Đà Phật, đó mới là người niệm Phật chân chánh. Con đường của pháp môn niệm Phật là Đạo cộng Giới, hết thảy giới luật đều viên mãn đầy đủ. Bạn chẳng phạm giới, chẳng phá giới là Đạo cộng Giới. Đắc thiền định là Định cộng Giới. Định cộng Giới chẳng bằng Đạo cộng Giới, Đạo cộng Giới chẳng bằng “Niệm Phật cụ túc viên mãn giới luật”, thanh tịnh giới luật. Đồng tâm, đồng nguyện, đồng đức, đồng hạnh với A Di Đà Phật thì mới thực sự đại viên mãn. Thế nên trong pháp môn này, Phật dạy chúng ta “chí tâm xưng danh, niệm tụng”; niệm tụng tức là đọc tụng Đại Thừa. Trong sự đọc tụng kinh điển Đại Thừa thì kinh Vô Lượng Thọ là hạng nhất, lúc giảng giải tôi đã phân tích rõ cho mọi người rồi. Chúng tôi không có khả năng phân tích như vậy, mà chính là cổ đại đức thời Tùy, Đường nói cho chúng ta biết “Hết thảy kinh đến sau cùng đều quy về kinh Hoa Nghiêm, kinh Hoa Nghiêm quy về kinh Vô Lượng Thọ, kinh Vô Lượng Thọ quy về bốn mươi tám nguyện, bốn mươi tám nguyện quy về nguyện thứ mười tám”. Hiện nay có người đề xướng Bổn Nguyện Niệm Phật, trong Bổn

4 Nguyên văn: Quang trung cực tôn, Phật trung chi vương. Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 11

Nguyện đặc biệt chú trọng nguyện thứ mười tám. Hoàn toàn y theo nguyện thứ mười tám niệm Phật, có thể vãng sanh hay không? Nếu thực sự y theo thì nhất định sẽ được sanh! Nếu chỉ đề xướng lâm chung mười niệm, một niệm đều có thể vãng sanh, lúc bình thường có thể khỏi giữ giới luật, có thể làm chuyện hồ đồ sai trái, có thể tạo tác tội nghiệp, đến lúc lâm chung niệm Phật cũng có thể vãng sanh thì lời này nói chẳng sai, nhưng lúc lâm chung bạn có nắm chắc có thể niệm Phật được hay không? Bạn hãy quan sát kỹ phần đông những người lâm chung có đầu óc tỉnh táo hay chăng? Nếu lúc lâm chung hồ đồ, mê man, người khác giúp họ niệm thì họ cũng chẳng chịu nghe. Lúc lâm chung nghiệp chướng hiện tiền, Phật hiệu nghe chẳng lọt vào tai, thậm chí nghe Phật hiệu liền sanh phiền não. Tôi đã đích thân chứng kiến hạng người này, niệm Phật suốt cả đời nhưng đến lúc lâm chung chẳng chịu niệm, tham sống sợ chết, không thể buông xuống. Bổn nguyện như đã nói đó không sai, nhưng trên phương diện sự tướng thì rất khó, khó vô cùng! Đó là thiện căn phước đức nhân duyên như thế nào, chúng ta phải hiểu rõ ràng. Cổ đại đức đúng là từ bi đến cùng cực, phân tách cho chúng ta rất rõ ràng, rất tường tận, khuyên chúng ta đừng giữ tâm niệm cầu may, nhất định phải “chân đạp thật địa”, hết lòng nỗ lực tu học, lúc lâm chung mới nắm chắc. Người cầu may đến sau cùng nhất định sẽ thất vọng. Thế nên đề xướng Bổn Nguyện, xả bỏ giới hạnh là đi con đường nguy hiểm. Những luận điệu này bề ngoài hình như cũng có đạo lý, trong kinh Phật có nói như vậy, nhưng nếu bạn phân tách cặn kẽ thì không có đạo lý, đều là giải thích sai ý nghĩa của Phật, giải méo mó rồi, do đó “nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa” đâu có dễ dàng như vậy ư! Năm xưa lúc Thế Tôn còn tại thế, kinh Vô Lượng Thọ khẳng định là đã được giảng nhiều lần, mỗi lần tuyên giảng pháp môn này

thì thính chúng đều khác nhau. Trong kinh ghi Thường Tùy Chúng là bao nhiêu đó người, trừ những vị Thường Tùy Chúng ra, phần đông những người còn lại [trong mỗi lần giảng đều] chẳng giống nhau. Thế nên đức Phật đối với sự giới thiệu Tịnh Tông, giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới có giản lược, tường tận khác nhau, nên sau này kết tập kinh điển, nội dung kinh điển khác biệt rất lớn. Rõ ràng nhất là bốn mươi tám nguyện trong năm bản dịch gốc, có kinh thì ghi hai mươi bốn nguyện, có kinh thì ghi bốn mươi tám nguyện, có kinh thì ghi ba mươi sáu nguyện, đây là sự khác biệt rõ ràng nhất. Nếu đức Phật chỉ giảng một lần, bất luận người dịch kinh là ai, con số này nhất định phải giống nhau, không thể nào khác biệt nhiều như vậy, từ chỗ này có thể chứng minh là Phật đã

giảng kinh này nhiều lần. Chúng ta muốn nhận thức Tây Phương Cực Lạc thế giới, hiểu rõ viên mãn thì phải đọc hết những lần Phật giới thiệu [ghi trong những bản kinh gốc này]. Kinh điển thời xưa đều được chép bằng tay, số lượng lưu thông rất ít, một người trong đời có cơ hội đọc hết năm bản dịch gốc này là người có phước báo to lớn, nhân duyên thù thắng. Phước báo của cư sĩ Vương Long Thư triều Tống rất lớn, đương nhiên cũng được Phật lực gia trì, trong năm bản dịch gốc ông chỉ đọc được bốn bản và chẳng có dịp coi bản kinh Đại Bảo Tích dịch đời Đường. Cho nên trong bản dịch Vô Lượng Thọ Hội trong kinh Đại Bảo Tích có một số đoạn rất quan trọng mà bốn bản dịch gốc kia chẳng có. Cư sĩ Vương Long Thư cũng thực sự vô cùng tài giỏi, biết phần đông người ta rất ít cơ hội xem được nhiều bản kinh như vậy nên ông bắt đầu hội tập. Hội tập tức là tập hợp những bản dịch gốc, hội tập những lời nói của Phật trong mỗi bản dịch gốc lại, đọc bản hội tập này giống như đọc bốn bản dịch gốc kia vậy, đây là một chuyện tốt, đại từ đại bi. Bản này được ghi vào Đại Tạng Kinh, được nhập tạng nghĩa là được những đại đức trong nhà Phật thời xưa nhìn nhận, khẳng định cách làm này chính xác, chẳng sai. Vì vậy bản hội tập của Vương Long Thư được lưu truyền đến đời sau, những lời trích dẫn kinh Vô Lượng Thọ ghi trong cuốn Di Đà Kinh Sớ Sao của đại sư Liên Trì phần đông đều lấy từ bản hội tập của ông Vương, như vậy nghĩa là bản này được sự khẳng định của đại sư Liên Trì. Về sau có bản tiết hiệu của Bành Tế Thanh, bản hội tập của Ngụy Mặc Thâm. Bản của ông Vương và ông Ngụy đều có khuyết điểm, khuyết điểm này chính là “lấy bỏ”(chọn lựa chữ) chẳng hoàn thiện, chẳng xứng; họ đã sửa đổi văn tự của bản dịch gốc. Đối với họ mà nói thì sự sửa đổi này chẳng có vấn đề, đích thật còn hay hơn văn tự của bản dịch gốc. Đại sư Ấn Quang chẳng tán thành, Ngài có đạo lý là vì sợ người đời sau tùy tiện sửa đổi lời kinh. Họ đã sửa đổi kinh văn và mở ra một tiền lệ, làm cho người đời sau noi theo đó mà sửa đổi kinh văn, kinh này truyền đến các đời sau thì sẽ thay đổi mất hết, tuyệt đối chẳng thể mở ra thói quen này. Ấn Tổ phản đối có hai điểm, một là chỗ lấy bỏ không thỏa đáng, hai là sửa đổi nguyên văn, chứ chẳng nói rằng không được hội tập. Đến những năm đầu thời Dân Quốc, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư ra đời, bản hội tập này thực sự rất hoàn thiện. Nhưng có một số người chấp trước thành kiến, phản đối bản hội tập này, muốn đề xướng đọc năm bản dịch gốc. Nếu phản đối bản hội tập, đề xướng một trong

năm bản dịch gốc, thì trong bốn bản còn lại vẫn còn một số kinh văn quan trọng sẽ chẳng đọc đến. Mục đích của việc đọc tụng Đại Thừa là để phá nghi sanh tín, là để xây dựng lòng tin. Đây đều là thiên lậu chấp, thiên kiến, thiển kiến, hiểu biết nông cạn, những chấp trước này đều sai lầm. Lại nói cụ Hạ là cư sĩ, cư sĩ chẳng có tư cách để hội tập kinh tạng. Vương Long Thư là cư sĩ, Bành Tế Thanh cũng là cư sĩ, Ngụy Nguyên cũng là cư sĩ; đại sư Liên Trì là người xuất gia, là Tổ sư Tịnh Độ Tông. Đại sư Liên Trì có thể dùng bản của ông Vương, đại sư Liên Trì chẳng nói "Vương Long Thư là cư sĩ, chẳng có tư cách hội tập", chẳng nói như vậy. Nếu nói người tại gia không thể làm chuyện này, nhất định phải là người xuất gia mới làm được, thế thì Phật pháp đã mất bình đẳng, nói cách khác, quyết định chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Tịnh Độ là pháp bình đẳng, trong đề kinh có ghi "Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác", tâm của bạn chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, một ngày niệm mười vạn tiếng Phật hiệu cũng chẳng thể vãng sanh. Tâm tịnh thì cõi nước tịnh, tâm bình thì cõi nước bình, Tây Phương Cực Lạc thế giới là cõi nước thanh tịnh, bình đẳng, chư vị nhất định phải hiểu rõ đạo lý này. Cụ Hạ chẳng phải người thường, sau khi bản hội tập của cụ ra đời, rất tiếc là đại sư Ấn Quang đã vãng sanh, Ấn Tổ chẳng xem qua bản này, tôi tin tưởng nếu Ấn Tổ xem bản này nhất định sẽ tán thán, sẽ tán thành. Tại sao vậy? Những lỗi lầm của các bản hội tập trước kia bản này đều chẳng có, bản hội tập này chẳng sửa đổi một chữ nào trong các bản dịch gốc, lại chọn lựa chữ vô cùng hợp lý, đương thời lão hòa thượng Huệ Minh khẳng định, đương thời đại đức bên Luật Tông là lão hòa thượng Từ Châu cũng khẳng định. Lão hòa thượng Từ Châu dùng bản hội tập này giảng tại Tế Nam, đại đức tại gia là lão cư sĩ Mai Quang Hy dùng bản hội tập này giảng trên đài phát thanh Trung Ương. Ngày nay bản hội tập này đã lưu thông khắp thế giới, phù hợp với lời tiên tri của lão cư sĩ lúc lâm chung, Ngài nói với học trò rằng tương lai bản hội tập này sẽ từ hải ngoại truyền trở về Trung Quốc, lời này đã thành sự thật. Lúc bấy giờ mọi người đều hoài nghi, ngày nay đã khẳng định rồi, quả thật là như vậy. Ngài lại nói kinh này sẽ truyền khắp thế giới, bản hội tập của cụ Hạ hoàn toàn tương ứng với lời tiên tri của cụ. Chúng ta nhất định phải có lòng tin kiên định, nhất định chẳng hoài nghi, y giáo phụng hành, phải thường đọc tụng. Những gì trong kinh Phật dạy chúng ta làm thì chúng ta phải hết lòng nỗ lực làm theo; những gì Phật dạy chúng ta không được làm, chúng ta nhất định phải tuân thủ. Niệm Phật như vậy phát nguyện vãng sanh thì đời này chúng ta mới thành tựu, chúng ta phải tin tưởng lời

Phật dạy. Mỗi chữ mỗi câu trong bản hội tập của cụ Hạ đều là nguyên văn từ năm bản dịch gốc, nếu có nghi hoặc thì chư vị có thể lấy năm bản dịch gốc ra để đối chiếu, lúc trước tôi đã in, tên cuốn này là Tịnh Độ Ngũ Kinh Độc Bổn. Trong đó có năm bản dịch gốc, bốn bản hội hiệu, tổng cộng chín bản của kinh Vô Lượng Thọ đều nằm trong cuốn này, mọi người có thể đối chiếu. Ba bản dịch của kinh Di Đà, ba bản này là: Bản dịch của đại sư La Thập, bản dịch của đại sư Huyền Trang, bản hội tập của lão cư sĩ Hạ Liên Cư, cả ba đều in chung. Mục đích in cuốn này là để xây dựng lòng tin vững chắc cho

chư vị đồng tu, đừng để người ta lung lạc dễ dàng, làm hỏng đại sự nhân duyên của chúng ta trong đời này, như vậy thì rất đáng tiếc. Chúng ta nhất định phải biết đọc tụng Đại Thừa, quy y kinh Vô Lượng Thọ, cung kính A Di Đà Phật, biết hết lòng tu pháp cúng dường. Trong những buổi giảng chúng tôi đã báo cáo tường tận cho chư vị, làm sao cúng dường? "Cúng dường Như Lai, cúng dường chúng sanh, như giáo tu hành cúng dường", đây là chân cúng dường, cúng dường như vậy tức là chân chánh cúng dường Địa Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát. Chúng ta tổng kết ý tứ trong kinh này, nếu chúng ta có thể thực sự chí tâm xưng danh, đọc tụng Đại Thừa, quy y cung kính cúng dường, công đức của người này chẳng thể đo lường nổi. Người ấy nhất định sẽ được chư Phật Như Lai, chư đại Bồ Tát gia trì, chẳng phải chỉ có Địa Tạng Bồ Tát mà thôi; oai thần của những đại Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền gia trì, tất nhiên sẽ được quả báo chẳng thể nghĩ bàn. Trong kinh này Phật nói với chúng ta, Địa Tạng Bồ Tát trong vô lượng kiếp qua, dùng vô lượng vô biên hóa thân phóng quang thuyết pháp, phổ độ chúng sanh, thường trụ trong thế giới U Minh. U Minh pháp giới là như thế nào? Chúng ta làm sao học tập? Chúng ta phải chui vào địa ngục chăng? Nhất định phải hiểu nghĩa thú, tiêu biểu pháp của từng câu từng chữ trong kinh văn. Ý nghĩa của U Minh pháp giới là dạy chúng ta phải hạ thấp tư thế, làm việc thiện chẳng cần phải để cho người ta biết, chẳng cần phải biểu dương, đây tức là U Minh pháp giới. Làm một cách âm thầm, hết lòng nỗ lực làm, xả bỏ hết thảy danh văn lợi dưỡng tức là ở trong U Minh pháp giới, thành tựu công đức chân thật của mình, niệm niệm đều làm lợi ích cho chúng sanh trong lục đạo. Kinh này dạy chúng ta biết quan hệ của chúng ta với chư Phật Bồ Tát, quan hệ của chúng ta với lục đạo chúng sanh, phàm phu vô tri thật đúng như câu mạnh ăn hiếp yếu, tàn hại hết thảy chúng sanh. Những chúng sanh này

cũng là phàm phu, cũng đều mê hoặc điên đảo. Mê hoặc điên đảo thì tâm báo phục sẽ chẳng tiêu mất, bạn làm tổn hại chúng nó, tâm oán hận của chúng nó sẽ vĩnh viễn ẩn chứa trong A Lại Da Thức, khi gặp cơ hội làm sao chúng nó không báo thù cho được! Sự báo thù này chính là tai nạn hiện nay trên thế giới, tai nạn to lớn! Trong kinh Phật nói về đao binh kiếp. Đao binh kiếp trở về sau tức là chiến tranh nguyên tử. Nguyên nhân của kiếp đao binh là gì? Là ăn thịt chúng sanh. Đức Phật nói rất rõ ràng, muốn miễn trừ kiếp đao binh trên thế giới, trừ phi chúng sanh không ăn thịt thì đao binh kiếp này mới có thể hóa giải. Lúc trẻ tuổi vô tri, không ăn thịt nó thì cũng sát hại nó. [Thí dụ như loài] kiến, chúng tôi thấy rất nhiều người đã từng tạo tội nghiệp này. Kiến bò vào nhà, bực mình quá, nấu một nồi nước sôi luộc cho chúng chết hết! Chúng tôi thấy rất nhiều người làm như vậy, chúng tôi cũng đã từng làm, mặc sức gây tổn hại cho những động vật nhỏ nhoi này. Lúc trước chẳng biết, bây giờ mới biết mình đã phạm tội lỗi nặng nề. Phật dạy chúng ta "phát lồ sám hối", hôm nay chúng ta biết rồi, biết mình đã làm sai quấy, hết lòng tu hành, hết thảy những công đức mỗi ngày đọc tụng, cúng dường, tu học đều hồi hướng cho những oán gia chủ nợ này. Chúng ta không dám hưởng công đức ấy, chỉ hy vọng hóa giải hết những oan kết này, được vậy thì trên con đường Bồ Đề chúng ta mới được thuận buồm xuôi gió, không bị chướng ngại. Nếu không thì thường nói đến nghiệp chướng hiện tiền, nghiệp chướng làm sao mới không hiện tiền? Làm

sao những chúng sanh bị bạn hại có thể tha thứ cho bạn dễ dàng như vậy? Không thể nào! Chúng ta phải học theo Địa Tạng Bồ Tát, dùng tâm chân thành giúp đỡ cho họ phá mê khai ngộ, giúp họ lìa khổ được vui. Tâm như đại địa, hết thảy pháp và chúng sanh nương nhờ vào đó để trụ trì, sanh trưởng, đảm đương. Bởi vậy nên trong kinh nói: "Tâm như đại địa, có thể an hết thảy". Đây là dùng đại địa ví như Tâm, ví như Thức. Ngày nay chúng ta nhìn thấy đại địa, chân đạp trên mặt đất, phải biết hồi quang phản chiếu. Địa là tâm địa của chúng ta, tâm địa bình đẳng, gánh vác chư pháp, gánh đội cho hết thảy chúng sanh. Người bạn ưa thích, thương mến cư trú trên mặt đất này, người bạn chán ghét, oán hận cũng cư trú trên mặt đất này, đại địa chẳng phân biệt thân, oán, chẳng có tốt, ác, chúng ta phải học [bổn tánh này của] đại địa. Tâm địa của chúng ta vốn cũng giống như đại địa, hiện nay thì trong ấy khởi tâm động niệm, phân biệt tốt ác, phân biệt đẹp xấu, đó là sai lầm. Mặt đất chẳng phân biệt, nói cách khác, chân tâm chẳng phân biệt, vọng tâm c ̣n phân biệt,

vọng tâm là sai lầm. Biết được vọng tâm đang phân biệt thì biết tâm chúng sanh; biết đại địa chẳng phân biệt, thì biết chân tâm. Thế nên lập luận của kinh này là chân tâm và vọng tâm. Đây là nói về chữ Địa. Chữ thứ hai là Tạng, Tạng nghĩa là chứa, hàm chứa, người thế gian chúng ta gọi là kho chứa, kho báu. Trân bảo của người thế gian đều phải cất giữ đàng hoàng, những của cải này có thể bảo đảm an toàn cho đời sống của họ. Nếu mất đi tiền tài, của báu, thì họ sẽ cảm thấy lo sợ, đời sống chẳng được bảo đảm, thế nên người thế gian ai cũng hy vọng cất dấu những trân bảo, tiền tài này. Phật dùng việc này để tỷ dụ, trong tự tánh chúng ta có kho báu, đó là "Tam Đức Bí Tạng" trong chân tâm tự tánh của chúng ta. "Pháp thân" là chân thân, Tông Môn gọi là "mặt mũi vốn sẵn có khi cha mẹ chưa sanh ra". Bổn lai diện mục là Pháp thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng đến chẳng đi, chẳng dơ chẳng sạch. Thứ hai là Bát Nhã, Bát Nhã là trí huệ, trí huệ cứu cánh viên mãn trong tự tánh vốn sẵn có đầy đủ, chẳng phải đến từ bên ngoài. Vô lượng vô biên trí huệ, thế giới ấy, phương kia, quá khứ, vị lai không có gì chẳng biết, đó là "sở tri"(những gì mình biết). Sở tri hiện tại chẳng biết, chẳng biết thì trở thành chướng ngại. Sở tri là vốn sẵn có, hiện nay có một cái chướng, che lấp sở tri của mình, đó gọi là Sở Tri chướng. Dụng ý của tên gọi Sở Tri chướng và Phiền Não chướng khác nhau; phiền não chính là chướng ngại, sở tri chẳng phải chướng ngại, cái chướng gây chướng ngại cho sở tri gọi là Sở Tri chướng. Nếu chúng ta dùng danh tướng trong Phật pháp để nói về vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì chấp trước là phiền não chướng, hoàn toàn là phiền não; trong phân biệt có một phần là phiền não, một phần là sở tri chướng; trong vọng tưởng hoàn toàn là sở tri chướng. Có người hỏi vô minh từ đâu đến? Vô minh làm sao đến? Thực ra đức Phật Thích Ca Mâu Ni trong hội Lăng Nghiêm đã giảng rất rõ ràng, rất thấu triệt, người đọc kinh Lăng Nghiêm đều "nuốt trọng cả trái táo", đều hàm hồ lướt qua. Phật giảng rất rõ ràng: "Từ nơi tri kiến lập ra cái hiểu biết, đó chính là cái gốc của vô minh"5. Cái gì gọi là tri kiến? Tri kiến chính là Sở tri, Sở tri chính là trí huệ Bát Nhã. Trong cái Sở tri bạn còn muốn lập ra một cái Tri, vậy là sai rồi, trên đầu lại gắn thêm cái đầu, đó chính là căn bản của vô minh. Bạn đừng lập một cái Tri trên cái Sở Tri thì trí huệ của bạn sẽ hiện tiền; nếu bạn cứ

muốn lập một cái Tri thì chẳng còn cách gì khác nữa! Chúng ta nêu một thí dụ; [Hòa thượng cầm cuốn sách dơ lên] các

5 Nguyên văn: Tri kiến lập tri, thị vô minh bổn. Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 17

bạn hãy coi rõ cái này, chúng ta dùng cái này để thí dụ, mọi người nhìn thấy rõ ràng, minh liễu, đây là sở tri, đây là tri kiến. Nhưng cứ nói: Trên tay pháp sư cầm một cuốn sách, như vậy là xong rồi, Lập tức liền rơi vào vô minh. Vật này gọi là sách hay sao? Vật này gọi là tay hay sao? Tay là do bạn kiến lập nên, Sách là do bạn kiến lập nên; bạn muốn kiến lập cái này gọi là Sách, cái này gọi là Tay, vậy thì bạn sai rồi, đây là vô minh. Lúc Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng rất thông minh, Lão Tử đã biết: "Tên mà có thể gọi được thì không phải là tên thường hằng, đạo mà có thể nói được thì không phải là cái đạo thường hằng"6. Một khi bạn nói ra cái tên thì đã sai rồi, đó là ý tứ riêng của bạn, chẳng phải là chân tướng sự thật. Thế nên bạn lập Tri trên tri kiến thì bạn sẽ đọa vào vô minh, bạn đã khởi vọng tưởng, trong vọng tưởng lại có phân biệt, lại có chấp trước, cả đống chuyện phiền phức cùng đến, đều đến một lượt. Phật thuyết pháp cho chúng ta, Phật nói: "Ngã", nhưng chẳng chấp trước Ngã, việc này rất cao minh. Lục Tổ hỏi Vĩnh Gia: Ông còn có phân biệt hay không? Vĩnh Gia đáp rất hay: Phân biệt cũng chẳng phải ý. Tôi phân biệt tức là chẳng có phân biệt, trong tâm thực sự chẳng có phân biệt, sạch sẽ. Phân biệt cái gì? Vì đại chúng phân biệt. Cho nên "nói tức là không nói, không nói tức là nói", bạn muốn nói là "nói", bạn chẳng hiểu ý của "không nói" (vô thuyết), bạn cũng chẳng hiểu ý của Phật. Nếu "nói" và "không nói" phân cắt thành hai, "nói" cũng sai, "không nói" cũng sai. Nói là gì? Phân biệt, chấp trước; Không nói là vô minh, đều lọt vào hai bên. Phải biết Nói và Không nói là một, chẳng phải hai, "nói tức là không nói, nghe tức là không nghe", bạn thông rồi, chướng ngại đều chẳng còn. Nếu bạn thể hội được chuyện này thì chân tướng của vũ trụ nhân sinh sẽ rõ ràng, bạn sẽ chân chánh nhập vào pháp môn bất nhị. Người thế gian đáng thương sống trong "tương đối", tương đối tức là hai, đối lập. Nói Lớn đối lại với Nhỏ, nói Vô thì bên kia có Hữu, đều ở trong tương đối; nói Tôi thì đối diện sẽ có Người. Đến lúc nào bạn có thể giác ngộ đến "tôi và người chẳng hai", "không và có chẳng hai", "tánh và tướng chẳng hai", "lý và sự chẳng hai", "sự và sự cũng chẳng hai", thì bạn mới nhập vào Phật pháp, thì bạn mới hiểu Phật pháp. Cho nên Phật pháp khó, khó ở chỗ nào? Tức là khó ở chỗ này. Khó cái gì? Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước vĩnh viễn chẳng buông xuống nổi, chỉ cần

6 Nguyên văn: Danh khả danh, phi thường danh. Đạo khả đạo phi thường đạo. Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 18

không buông nổi thì bạn sẽ chẳng nhập vào cánh cửa Đại Thừa được, Đại Thừa và bạn chẳng có phần. Bạn tu học Đại Thừa chỉ là tu học một thứ thường thức ngoài da mà thôi, Đại Thừa chân chánh ra sao thì bạn chẳng thể hội nổi. Đây là nói với các bạn về Bát Nhã. Vẫn còn một cái "Bí Tạng", Bí là bí mật, Tạng là hàm chứa trong tự tánh. Giải thoát chính là đại tự tại, tức là "Sự sự vô ngại" nói trong Hoa Nghiêm, đều là vốn sẵn có trong tự tánh, vốn có sẵn đầy đủ. Đây là ý nghĩa của Tạng, đây gọi là Tam Đức, tam đức trong tự tánh. Tại sao gọi là Bí Tạng? Bí là giống như bí mật, phần đông phàm phu

chẳng thể cảm giác, lục căn tiếp xúc chẳng đến; chẳng thể cảm giác thì hình như rất "bí [mật]", cũng giống như chất chứa ở một chỗ nào đó; Tạng chẳng bị người phát giác. Nói cách khác tức là chúng sanh chẳng thể minh liễu, chẳng thể lý giải, nên được gọi là Bí Tạng. Trong tâm tánh đích thật bao gồm vô lượng vô biên hết thảy pháp, trong bổn tánh vốn sẵn có đầy đủ, dùng chẳng hết, đó là ý của Tạng. Cũng giống như mỏ vàng ở thế gian chúng ta, trong mỏ này hàm chứa rất nhiều vàng, bạn lấy, bạn dùng, lấy chẳng hết, dùng chẳng hết. Nhưng mỏ vàng ở đâu bạn chẳng biết, bạn chẳng hiểu, như vậy nên biến thành "bí tạng". Phật dùng cái này để thí dụ bảo tàng trong tâm địa chúng ta. Hàm tàng của đại địa so với hàm tàng của tâm địa thì chẳng ra gì cả, bảo tạng hàm chứa trong tâm tánh chúng ta là tận hư không, trọn khắp pháp giới, Phật pháp của hết thảy chư Phật, vô lượng thế giới của hết thảy chúng sanh đều hàm chứa ở trong ấy. Chỉ cần bạn khai phá bảo tàng trong tâm địa, nói cho các bạn biết toàn bộ pháp thế gian, xuất thế gian đều thông đạt, hết thảy đều chẳng có chướng ngại. Giáo học của Phật pháp là khai phá bảo tạng của tự tánh. Phải dùng cái gì để khai mở bảo tạng của tự tánh? Công cụ ấy nhất định phải xứng tánh, công cụ chẳng xứng tánh thì không thể khai mở bảo tạng của tự tánh. Công cụ xứng tánh là gì? Đó chính là Hiếu và Kính, cho nên Địa Tạng xưng là Hiếu kinh của nhà Phật. Dùng ngôn ngữ hiện nay để nói thì Kinh Địa Tạng chính là "Hiếu đạo" và "Sư đạo", "Hiếu thân tôn sư" có thể khai phát bảo tạng trong tự tánh. Nếu bạn chẳng thể hiếu thuận cha mẹ, chẳng thể tôn trọng thầy giáo, bạn vĩnh viễn sẽ ở ngoài cửa Phật pháp, nói cách khác bạn học Tiểu Thừa có lẽ đạt được một chút thành tựu, nhưng học Đại Thừa thì chẳng có phần; Đại Thừa là khai phát tự tánh, chẳng giống với Tiểu Thừa. Tiểu Thừa là ở trên Sự Tướng, nói cách khác, vẫn còn là thế pháp. Pháp xuất thế trong Tiểu Thừa bạn cũng không đạt được, nói cách khác tuy bạn học Tiểu Thừa bạn chỉ có thể

dừng ở Sơ Quả, còn cảnh giới của Nhị Quả, Tứ Quả sẽ chẳng chứng nổi. Muốn chứng Tiểu Thừa Tứ Quả, quả vị cao nhất của Tiểu Thừa thì cũng phải hiếu thân tôn sư. Đây là chân lý, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai cũng chẳng ngoại lệ. Trong Quán Kinh đức Phật giảng về Tam Phước, ba tịnh nghiệp này là "Chánh nhân Tịnh Nghiệp của ba đời chư Phật". Lời này vô cùng rõ ràng, minh bạch, khi chúng ta nhắc tới chư vị đồng tu đều nhớ, cũng có thể giảng nói, nhưng chẳng chịu làm, vậy thì không còn cách gì khác. Nếu một ngày nói cả ngàn lần, cả vạn lần cũng chẳng có ích gì cả, "nói đồ ăn, đếm của báu" có ích lợi gì ? Nhất định phải tự mình làm hết lòng, làm cho bằng được! Mở rộng tâm hiếu thuận cha mẹ đến hiếu thuận hết thảy chúng sanh, chư Phật Như Lai đích thật là tu như vậy. Hết thảy chúng sanh chính là cha mẹ mình, chẳng phải là người ngoài, hết thảy chúng sanh đều là thầy của mình, đọc xong Hoa Nghiêm đáng lý bạn phải tin tưởng chứ. Không những hết thảy người là thầy giáo, hôm qua chúng ta đã nói cây, lá, hoa, cỏ, không có gì chẳng là thầy giáo cả? Khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, thực sự là khi chúng ta sờ mó, nhìn thấy một hạt bụi, một lỗ chân lông bèn có thể tỉnh ngộ, đó chính là thầy giáo. Hôm qua nhìn thấy cây, hột giống là tín tâm, rễ là từ bi, thân là trí huệ, cành nhánh là năm độ, nhìn thấy chỗ nào thì trong tâm đều khai trí huệ. Đúng như Huệ Năng nói với Ngũ Tổ: Trong tâm đệ tử thường sanh trí

huệ. Ngài làm sao không thường sanh trí huệ? Lục căn tiếp xúc cảnh giới bên ngoài đều khai ngộ, đây tức là thường sanh trí huệ. Ngày nay lục căn chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần bên ngoài đều sanh phiền não, nếu thuận theo ý tứ của mình thì sanh tham ái, tham ái là phiền não; không hợp với ý tứ của mình thì chán ghét, chán ghét sanh phiền não. Người ta lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần thì sanh trí huệ, chẳng sanh phiền não, đây chính là chỗ khác nhau giữa phàm và thánh, chỗ khởi tu chẳng tương đồng. Trong kinh đức Phật nói, khẳng định tự tánh chúng ta vốn có sẵn vạn pháp, đầy đủ hết thảy pháp, đây là của báu! Giống như dưới lòng đất hàm chứa những khoáng vật quý báu, kho báu chứa dưới đất dùng còn hết, còn kho báu chứa trong tâm tánh chúng ta dùng chẳng hết, tại sao không biết khai phát! Bốn đại Bồ Tát chính là bốn pháp môn để khai phát kho báu trong tự tánh. Bốn pháp môn này phải dùng cùng lúc, "Hiếu Kính" của Địa Tạng Bồ Tát, "Từ Bi" của Quán Âm Bồ Tát, "Trí Huệ" của Văn Thù Bồ Tát, "Biến Thành Hiện Thực" của Phổ Hiền Bồ Tát, bốn Bồ Tát dạy chúng ta khai phá kho báu trong tự tánh. Bốn pháp

môn này thiếu một cũng chẳng được, giống như cái bàn có bốn chân, thiếu một sẽ ngã, sẽ chẳng đứng vững, nhất định phải hiểu đạo lý này. Những gì đức Phật đã nói trong hết thảy kinh điển Đại Thừa, ngàn kinh muôn luận đều chẳng ngoài việc này. Chư Phật Bồ Tát hiểu rõ rồi, đã thực hiện rồi, các Ngài đạt được thọ dụng, đạt được đại tự tại, đại viên mãn. Chúng sanh chúng ta mê hoặc điên đảo, mê mất tự tánh, làm sai làm quấy, cho nên trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, sanh tử lưu chuyển, chẳng có ngày thoát nổi. Nhưng tánh đức của chúng ta bất luận là đang giác hay đang mê, đều chẳng thay đổi; lúc ngộ chẳng tăng thêm một mảy tơ, lúc mê thì cũng chẳng giảm bớt một tí nào. Tại sao Phật tôn kính hết thảy chúng sanh? Ngay cả muỗi mòng, kiến đều tôn trọng. Tại sao Ngài lại tôn trọng? Muỗi mòng, kiến cũng là chúng sanh, tánh đức của nó đều viên mãn, cùng chư Phật Như Lai không hai không khác; chỉ vì nó mê nên biến thành như vậy, nó chẳng hiểu sự việc, làm sai làm quấy, biến thành ra nông nỗi này. Tuy ra nông nỗi này, tánh đức của nó cũng viên mãn như cũ, chẳng có giảm bớt mảy may, thế nên chư Phật Như Lai đối với chúng nó bình đẳng tôn trọng, bình đẳng lễ kính, và bình đẳng cúng dường. Trong thập đại nguyện vương, Phật đối với nó chẳng tán thán, nhưng cung kính, cúng dường thì nhất định đều bình đẳng, từ bi hết thảy! Chúng ta phải nhận thức tâm địa, khẳng định bảo tàng. Biết chân tâm của chúng ta, từ Bát Nhã mà nói thì tâm này chính là Đại Bồ Đề, nói từ Pháp Thân thì chính là Đại Niết Bàn. Đại Niết Bàn cũng thường được gọi là "đại diệt độ", Niết Bàn là tiếng Phạn, dịch nghĩa là "diệt độ". Nếu dùng ba chữ này để nói: Đại, Diệt, Độ, "Đại" có nghĩa là Pháp thân, "Diệt" là diệt phiền não, diệt vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, sẽ được đại tự tại, đại tự tại là giải thoát; "Độ" là minh liễu, là giác ngộ, chính là trí huệ Bát Nhã. Bồ Tát tu Lục Độ, sáu thứ này là trí huệ, các Ngài sống đời sống trí huệ cao độ, trí huệ cứu cánh viên mãn. [Ngược lại] chúng ta ngày nay sống cuộc đời đau khổ, phiền não. Tam Đức "Pháp thân, Bát Nhã, Giải thoát", đây là tam đức tự tánh vốn sẵn có, mỗi mỗi đều đầy đủ Thường - Lạc - Ngã - Tịnh. Thế nên chúng ta gọi Thường - Lạc - Ngã - Tịnh là Tứ Tịnh Đức. Thường là vĩnh hằng chẳng biến. Lạc là lìa hết thảy khổ, người thế gian chúng ta nói về khổ lạc,

khổ lạc là tương đối, hết thảy những thứ khổ lạc tương đối đều mất hết, đều đoạn dứt hết. Ngã có nghĩa là chủ tể, tự tại, chân chánh có thể làm chủ, thực sự được đại tự tại. Tịnh là thanh tịnh, mảy

Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 21

trần chẳng nhiễm, tâm địa không tịch. Trong chân tâm không thể có một vật, đại sư Huệ Năng nói rất hay: Vốn là chẳng có một vật, phải biết vốn chẳng có một vật, trong đó bạn lại thêm một vật thì sai rồi. Một niệm đầu (tâm niệm) là một vật, chẳng thể thêm vô. Do đó người tham thiền niệm một tiếng Phật hiệu là bị nhiễm ô rồi, phải súc miệng ba ngày. Trước giờ vốn chẳng có một vật thì làm sao có một chữ "Phật" lọt vô được! Phật cũng chẳng có. Phật cũng chẳng có nữa, chúng ta phải niệm Phật hay không? Vẫn phải niệm. Niệm như thế nào? "Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm" thì mới chính xác. Nếu bạn "có niệm" thì bạn có một vật, vậy là sai rồi. Bạn "không niệm" thì cũng có một vật, có vật gì? Có một cái "không niệm", cũng sai luôn. Nói cách khác, niệm thì sai, không niệm cũng sai. Làm sao mới không sai? "Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm" thì mới không sai; cả hai bên đều chẳng trụ, trung đạo không còn. "Làm mà không làm, không làm mà làm", giống như chư Phật, Bồ Tát ứng hóa trong chín pháp giới, thị hiện nhiều thân, làm nhiều sự nghiệp, các Ngài không có niệm, không sanh. Không niệm, họ chẳng ly niệm, vô sanh nhưng họ cũng chẳng ly sanh. Các Ngài trong lục đạo xả thân thọ sanh, cùng chúng sanh thị hiện như nhau, họ là "ly tức đồng thời", những tướng hiện ra chẳng có tự kỷ, hiện ra tướng là "từ bi ứng hiện", để giác ngộ chúng sanh. Tuy là giác ngộ chúng sanh, nhưng chẳng có cái tâm niệm "giác ngộ chúng sanh", giống như kinh Kim Cang có nói tuy độ hết thảy chúng sanh nhưng thực sự chẳng có chúng sanh được độ; trong Phật pháp gọi là vô tác, vô vi. Không làm nhưng chẳng có gì không làm, không tác mà chẳng có gì không tác, như vậy mới tương ứng với Thể, Tướng, Dụng của tự tánh, tương ứng với Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát của tự tánh, tương ứng với "Đại Phương Quảng", đây là hạnh Bồ Tát, đây là tâm Bồ Tát. Ngày nay chúng ta trong địa vị phàm phu, chúng ta có mê hoặc trầm trọng, chúng ta có nghiệp chướng nặng nề, chúng ta cũng rất muốn khế nhập vào cảnh giới Bồ Tát. Bắt đầu từ đâu? Nhất định phải bắt đầu từ đoạn dứt tham-sân-si, Phật pháp và thế pháp cũng chẳng tham nhiễm. Thuận cảnh chẳng tham, nghịch cảnh chẳng sân giận, bắt đầu làm từ chỗ này, hạ thủ ở đây; cảnh thuận, cảnh nghịch rõ ràng, minh bạch, chẳng si [mê]. Không tham, không sân, không si gọi là "Tam thiện căn". Đoạn ác tu thiện, đoạn ác gì? Đoạn tham-sân-si; tu thiện gì? Tu chẳng tham, chẳng sân, chẳng si. Bắt đầu từ chỗ này, khôi phục kho báu trong tự tánh

Giới Thiệu Đề Kinh - Biệt Đề - Tập 1 22

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.